

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-7-2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim G, sinh năm 1980, địa chỉ: Số nhà 133A/5, ấp V, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Đoàn Tấn T, sinh năm: 1978, địa chỉ: Số nhà 133A/5, ấp V, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kim G là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà G và ông T kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội. Bà G và ông T chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, không thống nhất được việc quản lý tiền, chi tiêu trong gia đình, ông T không quan tâm đến bà G và con, không phụ bà G nuôi con, chăm sóc, giáo dục con. Bà G và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà G quyết định ly hôn với ông Đoàn Tấn T.

Về con chung: Bà G và ông Đoàn Tấn T có 02 con chung tên Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2000 và Đoàn Tấn L, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001, hiện nay con đang sống chung nhà với bà G và ông T. Con chung tên Đoàn Thị Kim N đã trưởng thành, sống tự lập. Bà G yêu cầu Tòa án xem xét cho bà G được quyền trực tiếp nuôi con tên Đoàn Tấn L, bà G không yêu cầu ông Đoàn Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G và ông T không có nợ chung.

Ông Đoàn Tấn T là bị đơn trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông T đồng ý với bà G về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn. Nay bà G đề nghị ly hôn với ông T thì ông T không đồng ý, ông T mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không thống nhất được với nhau về việc chi tiêu trong gia đình, bà G không nói chuyện với ông T. Ông T và bà G sống ly thân đến nay khoảng 01 năm. Ông T muốn có thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Ông T và bà G có 02 con chung tên Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2000 và Đoàn Tấn L, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001, hiện nay con đang sống chung nhà với bà G và ông T. Nếu ly hôn, ông giao con chung tên Đoàn Tấn L, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001 cho bà G nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Đoàn Thị Kim N đã trưởng thành, sống tự lập, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà G không có nợ chung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay bà Nguyễn Thị Kim G yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Tấn T, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T chung sống hạnh phúc được hơn 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà G và ông T còn sống chung một nhà, nhưng sống ly thân với nhau đến nay hơn 01 năm. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T

không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có cách nào để vợ chồng hàn gắn. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G, cho bà G ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T có 02 con chung tên Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2000 và Đoàn Tấn L, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001, hiện nay con đang sống chung nhà với bà G và ông T. Con chung tên Đoàn Thị Kim N đã trưởng thành, sống tự lập. Hội đồng xét xử xét thấy bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Tấn L, ông T cũng đồng ý để cho bà G trực tiếp nuôi con, con chung tên Đoàn Tấn L mong muốn được sống chung với bà G, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con, ông Đoàn Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bà Nguyễn Thị Kim G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Đoàn Tấn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 246, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim G, cho bà Nguyễn Thị Kim G ly hôn với ông Đoàn Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T có 02 con chung tên Đoàn Thị Kim N, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2000 và Đoàn Tấn L, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2001, hiện nay con đang sống chung nhà với bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T. Con chung tên Đoàn Thị Kim N đã trưởng thành, sống tự lập. Con chung tên Đoàn Tấn L hiện nay con đang sống chung nhà với bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Kim G và ông Đoàn Tấn T: Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim G trực tiếp nuôi con chung tên Đoàn Tấn L, ông Đoàn Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đoàn Tấn T được quyền thăm

nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim G đã nộp theo biên lai thu số 0002095, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Đoàn Tấn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng